

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT TỐT NGHIỆP - NĂM 2024
KHÓA 9 - NIÊN KHÓA 2020 -2024

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
1	202006010	NGUYỄN TIẾN ANH	26/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	CC1	7.46	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
2	202006012	THÁI TRẦN PHƯƠNG ANH	22/08/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	8.51	3.4	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 2	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
3	202006031	HOÀNG NHƯ MINH ĐỨC	06/04/2002	Bắc Ninh	Kinh	Nam	CC1	7.39	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 2,7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
4	202006045	NGUYỄN CHÂU GIANG	17/06/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	7.48	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
5	202006049	LƯU THỊ THU HÀ	27/06/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	CC1	8.26	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
6	202006051	DƯƠNG THỊ HẰNG	18/06/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	8.35	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
7	202006054	BÙI THỊ THANH HẢO	03/07/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	CC1	7.12	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,5,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
8	202006063	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	27/12/2002	Lào Cai	Kinh	Nam	CC1	7.19	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,5,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
9	202006070	ĐÌNH VIỆT HUY	17/08/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	CC1	7.60	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
10	202006073	BÙI THỊ THU HUYỀN	08/03/2002	Hưng Yên	Kinh	Nữ	CC1	8.00	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
11	202006076	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	13/05/2002	Nam Định	Kinh	Nữ	CC1	7.85	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
12	202006092	ĐỖ THỊ KHÁNH LINH	31/01/2002	Hải Dương	Kinh	Nữ	CC1	7.90	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
13	202006097	NGUYỄN THỦY LINH	14/03/2000	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	7.12	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,5,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
14	202006098	VŨ PHƯƠNG LINH	27/02/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	7.42	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 6,7,8 và 2500k kì 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
15	202006121	PHẠM THẾ TUẤN NGHĨA	30/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	CC1	7.77	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
16	202006125	LÊ THỊ KHÁNH NGỌC	16/11/2001	Hải Phòng	Kinh	Nữ	CC1	7.37	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
17	202006128	ĐỖ THANH NHÂN	17/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	7.72	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
18	202006132	LÊ NGỌC NHI	26/12/2002	Hải Phòng	Kinh	Nữ	CC1	8.02	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
19	202006145	ĐOÀN HÀ PHƯƠNG	06/01/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	7.46	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
20	202006148	PHÙNG THỊ HÀ PHƯƠNG	30/04/2002	Hà Nội	Mường	Nữ	CC1	8.60	3.4	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
21	202006158	VŨ THỊ THANH THANH	18/08/2000	Hải Dương	Kinh	Nữ	CC1	7.97	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
22	202006167	GIÀNG HOÀI THU	03/11/2002	Lào Cai	Hmông	Nữ	CC1	6.91	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
23	202006169	LÊ MINH THU	02/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	8.01	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
24	202006178	ĐẶNG THU TRANG	23/02/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	7.47	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
25	202006182	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	09/02/2002	Hà Tây	Kinh	Nữ	CC1	7.40	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
26	202006184	XA KIỀU TRANG	25/12/2002	Hòa Bình	Mường	Nữ	CC1	7.30	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,5,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
27	202006195	CHU THANH CẨM VÂN	16/07/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	7.59	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
28	202006201	TRƯƠNG TƯỜNG VY	07/08/2001	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC1	7.48	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
29	202006004	ĐOÀN NGỌC VÂN ANH	26/03/1996	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC2	8.62	3.4	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
30	202006016	VŨ NGỌC MAI ANH	05/08/2002	Thanh Hóa	Kinh	Nữ	CC2	7.73	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
31	202006023	NGUYỄN THẾ BÌNH	10/03/2002	Nghệ An	Kinh	Nam	CC2	8.05	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
32	202006027	ĐỖ HOÀNG LINH ĐAN	27/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC2	8.14	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
33	202006032	LÊ HỮU MINH ĐỨC	01/06/2002	Thanh Hóa	Kinh	Nam	CC2	8.10	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
34	202006053	PHẠM THỊ HẰNG	07/12/2002	Nam Định	Kinh	Nữ	CC2	8.40	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
35	202006058	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	16/09/2002	Bắc Giang	Kinh	Nữ	CC2	8.43	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
36	202006064	NGUYỄN THỊ THANH HOA	27/02/2002	Hưng Yên	Kinh	Nữ	CC2	7.57	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn	
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ			
37	202006074	HOÀNG THU	HUYỀN	04/10/2002	Hà Giang	Nùng	Nữ	CC2	7.61	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
38	202006080	VŨ THANH	HUYỀN	26/02/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC2	7.76	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
39	202006084	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	20/08/2002	Hung Yên	Kinh	Nam	CC2	7.96	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
40	202006100	HOÀNG ĐỨC	LONG	28/09/2002	Ninh Bình	Kinh	Nam	CC2	8.03	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
41	202006108	ĐỖ THỊ THANH	MAI	17/08/2002	Bắc Kạn	Tày	Nữ	CC2	7.83	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
42	202006116	PHẠM HÀ	NAM	14/10/2002	Nam Định	Kinh	Nam	CC2	7.65	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
43	202006129	NGUYỄN TRƯỜNG	NHÂN	01/12/2001	Quảng Bình	Kinh	Nam	CC2	7.42	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
44	202006139	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	21/05/2002	Thanh Hóa	Kinh	Nữ	CC2	7.63	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
45	202006159	LƯƠNG ANH	THÀNH	04/04/1999	Hà Nội	Kinh	Nam	CC2	8.89	3.5	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
46	202006163	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/03/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC2	7.46	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
47	202006164	PHẠM THỊ THU	THẢO	22/08/2002	Điện Biên	Kinh	Nữ	CC2	7.51	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
48	202006173	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	07/01/2002	Thái Bình	Kinh	Nữ	CC2	7.61	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5,6,7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
49	202006176	LƯU MINH	TRÂM	26/08/2001	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC2	7.69	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3,4,5,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
50	202006179	HÀ THU	TRANG	06/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC2	7.84	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
51	202006185	LÝ TRẦN	TRUNG	11/06/2002	Hà Nội	Nùng	Nam	CC2	7.96	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
52	202006188	VƯƠNG CẨM	TÚ	01/11/2002	Lạng Sơn	Kinh	Nữ	CC2	7.49	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
53	202006196	TRƯƠNG THỊ THANH	VÂN	19/01/2002	Bắc Giang	Kinh	Nữ	CC2	7.29	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
54	202006203	NGUYỄN PHẠM THUẬN	YẾN	14/05/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	CC2	7.86	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
55	202006005	DƯƠNG PHƯƠNG	ANH	02/12/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	7.47	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
56	202006006	HOÀNG THỊ MAI ANH	15/05/2002	Yên Bái	Tày	Nữ	CC3	7.95	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
57	202006029	CHỬ THÀNH ĐẠT	28/03/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	CC3	7.15	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
58	202006055	VŨ VĂN HẢO	13/08/2002	Thái Nguyên	Kinh	Nam	CC3	7.91	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
59	202006065	LÊ HUY HOÀNG	27/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	CC3	7.43	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
60	202006069	NGUYỄN HẢI HUNG	16/12/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	CC3	7.12	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
61	202006072	PHẠM QUỐC HUY	28/07/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	CC3	7.38	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
62	202006075	LÊ THỊ THANH HUYỀN	09/04/2002	Hà Tây	Kinh	Nữ	CC3	7.48	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
63	202006081	VŨ THỊ THU HUYỀN	22/04/2002	Phú Thọ	Kinh	Nữ	CC3	8.35	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
64	202006087	TRẦN HOÀNG LAN	19/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	7.36	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
65	202006096	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	10/11/2002	Bắc Ninh	Kinh	Nữ	CC3	7.65	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,5,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
66	202006102	NGUYỄN AN LY	16/06/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	7.20	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
67	202006117	TRẦN THỊ NGA	04/05/2002	Bắc Ninh	Kinh	Nữ	CC3	7.32	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
68	202006120	TRẦN THỊ THANH NGÂN	21/05/2001	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	8.52	3.4	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
69	202006127	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	01/09/2001	Thanh Hóa	Kinh	Nữ	CC3	7.13	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
70	202006134	TRẦN PHƯƠNG NHI	27/09/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	7.37	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
71	202006137	BÙI THỊ NHUNG	08/05/2002	Hòa Bình	Mường	Nữ	CC3	7.36	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
72	202006147	NGUYỄN BẢO PHƯƠNG	18/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	7.93	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
73	202006149	VŨ HOÀNG PHƯƠNG	15/07/2002	Phú Thọ	Kinh	Nữ	CC3	7.40	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
74	202006153	HÀ LONG QUYỀN	01/11/2002	Hà Nội	Mường	Nam	CC3	7.14	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,5,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
75	202006157	NGUYỄN THÁI THANH	23/06/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	7.05	2.5	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
76	202006166	LÊ THỊ HỒNG THOM	20/09/2002	Hà Tây	Kinh	Nữ	CC3	7.10	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
77	202006170	TRẦN HOÀNG BẢO THƯƠNG	26/08/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	7.63	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
78	202006174	BÙI THU TRÀ	05/07/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	CC3	7.45	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
79	202006181	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	23/08/2002	Tuyên Quang	Kinh	Nữ	CC3	7.42	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
80	202006186	ĐÀO THỊ TÚ	01/06/2002	Hưng Yên	Kinh	Nữ	CC3	7.07	2.5	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,6,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
81	202006194	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	19/01/2002	Thanh Hóa	Kinh	Nữ	CC3	7.34	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
82	202001007	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	26/12/1998	Cao Bằng	Tày	Nam	D	7.31	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
83	202001009	BÙI NGỌC DIỆP	07/06/2001	Hòa Bình	Mường	Nam	D	7.31	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
84	202001010	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	18/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	D	7.37	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
85	202001013	NGUYỄN MINH HẢI	02/04/2002	Ninh Bình	Kinh	Nam	D	6.50	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
86	202001015	PHAN THỊ THÚY HIỀN	15/10/2002	Nghệ An	Thái	Nữ	D	7.91	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
87	202001017	LA THỊ HUÂN	19/12/2002	Hà Giang	Dao	Nữ	D	7.41	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 2,3,4,5,6	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
88	202001019	NGUYỄN TÂN NHẬT HUNG	21/04/2002	Khánh Hòa	Kinh	Nam	D	7.49	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4,5,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
89	202001022	TRẦN QUANG HUY	12/07/2002	Yên Bái	Kinh	Nam	D	6.94	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
90	202001023	TRỊNH QUỐC HUY	05/10/1998	Hải Phòng	Kinh	Nam	D	8.10	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
91	202001028	LÒ VĂN NAM	14/11/2002	Son La	Thái	Nam	D	7.64	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
92	202001029	NGUYỄN THỊ LAN NHI	07/03/2001	Hưng Yên	Kinh	Nữ	D	7.83	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
93	202001030	VŨ A NỮ	02/09/1999	Điện Biên	Hmông	Nam	D	6.76	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
94	202001031	VŨ HUY PHAN	25/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Nam	D	8.42	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
95	202001033	HOÀNG BÌNH QUẢN	05/09/2002	Thái Nguyên	Nùng	Nam	D	8.35	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
96	202001037	LÊ ĐỨC THẮNG	15/10/2002	Vĩnh Phúc	Kinh	Nam	D	7.35	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
97	202001038	YANG THIN	17/08/2002	Gia Lai	Gia-Rai	Nữ	D	7.81	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
98	202001040	PHẠM ANH THƯ	21/08/2002	Lâm Đồng	Tày	Nữ	D	7.59	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
99	202001045	NGUYỄN HƯƠNG TRANG	29/03/2002	Bắc Ninh	Kinh	Nữ	D	8.00	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
100	202001046	NGUYỄN TUẤN TRIỆU	01/08/2002	Hải Phòng	Kinh	Nam	D	7.35	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
101	202001049	TRẦN MẠNH TÙNG	19/04/2002	Nam Định	Kinh	Nam	D	7.33	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
102	202004002	LƯƠNG MAI ANH	18/03/2002	Yên Bái	Kinh	Nữ	L1	7.64	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
103	202004008	PHẠM MINH ANH	18/03/2002	Nam Định	Kinh	Nữ	L1	8.05	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
104	202004013	VÌ THỊ PHƯƠNG ANH	03/09/2002	Sơn La	Thái	Nữ	L1	8.31	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
105	202004016	ĐÀO THỊ NGỌC ÁNH	01/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L1	7.43	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
106	202004023	NGUYỄN CÔNG BÌNH	16/03/2001	Quảng Nam	Kinh	Nam	L1	7.37	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
107	202004031	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC	21/12/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L1	8.22	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
108	202004032	VŨ THỊ DUNG	20/05/2002	Hải Phòng	Kinh	Nữ	L1	7.18	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
109	202004034	ĐINH CÔNG DƯƠNG	01/03/2002	Hòa Bình	Mường	Nam	L1	6.74	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
110	202004038	ĐẶNG THỊ HÀ GIANG	28/02/2002	Quảng Ninh	Dao	Nữ	L1	7.45	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
111	202004050	NÔNG THỊ THU HẰNG	05/06/2002	Cao Bằng	Nùng	Nữ	L1	7.02	2.5	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
112	202004060	PHẠM HUY HOÀNG	07/12/1999	Hà Nội	Kinh	Nam	L1	7.92	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
113	202004061	VÌ THÁI HOC	16/10/2002	Hòa Bình	Thái	Nam	L1	7.19	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
114	202004069	PHẠM NGOC THANH HUYỀN	10/04/2002	Ninh Bình	Kinh	Nữ	L1	7.54	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
115	202004073	ĐỖ GIA KHÁNH	25/03/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nam	L1	7.15	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
116	202004076	BÙI VĂN KHIÊN	08/02/2001	Hòa Bình	Mường	Nam	L1	6.95	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
117	202004081	NGUYỄN ĐĂNG LINH	01/04/2002	Hà Giang	Kinh	Nữ	L1	6.48	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
118	202004088	VŨ HIỀN LINH	03/07/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L1	6.43	2.2	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
119	202004099	LÊ BÌNH MINH	24/06/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L1	7.05	2.5	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
120	202004112	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	15/11/2002	Điện Biên	Kinh	Nữ	L1	7.77	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
121	202004119	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	28/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L1	7.13	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
122	202004128	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	11/08/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	L1	7.39	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
123	202004130	KIỀU MINH QUẢN	14/01/2002	Ninh Bình	Kinh	Nam	L1	7.32	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki ,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
124	202004136	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	12/09/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	L1	8.56	3.4	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
125	202004147	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	09/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L1	6.69	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
126	202004156	NGUYỄN THANH THẢO	26/08/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L1	7.25	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
127	202004166	TA VĂN TIẾN	11/04/2002	Thái Bình	Kinh	Nam	L1	7.51	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
128	202004173	PHAN THỊ HUYỀN TRANG	14/10/2001	Cao Bằng	Kinh	Nữ	L1	6.83	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
129	202004178	NGÔ MINH TUẤN	27/07/2002	Bắc Giang	Kinh	Nam	L1	6.30	2.2	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
130	202004014	VŨ NHẬT ANH	21/06/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L2	6.78	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
131	202004027	NGUYỄN ĐỨC ĐỊNH	12/08/2000	Hải Dương	Kinh	Nam	L2	7.95	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn	
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ			
132	202004035	LÊ NGỌC	DƯƠNG	08/10/2001	Thanh Hóa	Kinh	Nam	L2	7.02	2.5	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
133	202004046	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	HÀ	08/07/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L2	6.51	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
134	202004059	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	17/11/2002	Sơn La	Thái	Nam	L2	7.47	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
135	202004063	ĐOÀN THỊ	HUỆ	14/12/2002	Thanh Hóa	Kinh	Nữ	L2	7.63	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
136	202004077	NGUYỄN KHẮC	KHOA	08/04/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L2	7.49	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
137	202004086	TRỊNH PHƯƠNG	LINH	26/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L2	7.50	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
138	202004087	TRƯƠNG THỊ THÙY	LINH	17/05/2002	Hà Tĩnh	Kinh	Nữ	L2	7.27	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3,4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
139	202004089	ĐÀM VĂN	LONG	17/09/2002	Thanh Hóa	Kinh	Nam	L2	7.69	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
140	202004102	TRẦN THÀNH	MINH	10/05/2002	Hải Phòng	Kinh	Nam	L2	7.38	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3,4,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
141	202004106	LÝ TRÀ	MY	10/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L2	7.36	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
142	202004116	NGUYỄN YẾN	NHI	24/08/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L2	7.29	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 2,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
143	202004126	KHUƠNG ĐÌNH	PHƯƠNG	02/05/2002	Ninh Bình	Kinh	Nữ	L2	6.85	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
144	202004134	ĐOÀN DIỄM	QUỲNH	15/09/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L2	8.40	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
145	202004142	TRẦN VĂN ĐỨC	SƠN	11/10/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nam	L2	8.00	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
146	202004144	SÙNG A	TÊNH	23/10/2000	Điện Biên	Hmông	Nam	L2	6.43	2.2	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
147	202004154	MÃ PHƯƠNG	THẢO	27/01/2002	Bắc Kạn	Tày	Nữ	L2	7.18	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
148	202004157	NGUYỄN THẠC	THIỆN	17/03/2002	Bắc Ninh	Kinh	Nam	L2	7.05	2.5	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
149	202004168	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	04/06/2002	Phú Thọ	Kinh	Nam	L2	6.77	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
150	202004179	NGUYỄN TRỌNG	TUỆ	04/10/2001	Hà Nội	Kinh	Nam	L2	6.52	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn	
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ			
151	202004188	LỮ THỊ HẢI	YẾN	21/02/2002	Hà Tĩnh	Kinh	Nữ	L2	7.51	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
152	202004012	TRẦN THỊ MINH	ANH	18/09/2002	Hà Giang	Kinh	Nữ	L3	7.23	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ 250k kì 7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
153	202004020	HOÀNG XUÂN	BÁCH	21/07/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L3	7.27	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
154	202004025	LÊ HỮU	CƯỜNG	30/10/2002	Phú Thọ	Kinh	Nam	L3	7.11	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
155	202004028	NGUYỄN THỊ	DIU	26/06/2002	Lai Châu	Kinh	Nữ	L3	6.88	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
156	202004043	LÊ NGỌC	HÀ	29/03/2002	Tây Ninh	Kinh	Nữ	L3	7.93	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
157	202004044	LÊ TUẤN	HÀ	28/02/2002	Hà Giang	Kinh	Nam	L3	6.72	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
158	202004065	TA THỊ THU	HƯỜNG	25/06/2002	Ninh Bình	Kinh	Nữ	L3	6.81	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
159	202004068	CHÂU THANH	HUYỀN	02/09/2002	Bình Định	Kinh	Nữ	L3	8.06	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
160	202004074	MẠC TRẦN	KHÁNH	20/03/2002	Hải Dương	Kinh	Nam	L3	7.90	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
161	202004080	HOÀNG THỊ	LINH	11/10/2002	Bắc Kạn	Tây	Nữ	L3	7.19	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
162	202004085	PHƯƠNG NHẬT KHÁNH	LINH	24/05/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L3	6.44	2.2	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
163	202004094	HÒ ĐỨC	MẠNH	01/08/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L3	6.79	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
164	202004108	LÊ HẰNG	NGA	06/01/2002	Quảng Trị	Kinh	Nữ	L3	7.28	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,5,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
165	202004111	NGÔ NGỌC KIM	NGÂN	24/07/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L3	6.84	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
166	202004124	TRIỆU HOÀNG ĐẠI	PHÚC	04/10/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nam	L3	7.63	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
167	202004127	LÊ MINH	PHƯƠNG	21/03/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L3	6.98	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
168	202004129	ĐỖ MINH	QUÂN	03/06/2002	Thái Nguyên	Kinh	Nam	L3	8.19	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
169	202004140	PHAN ĐỨC	SƠN	03/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L3	7.48	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn	
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ			
170	202004141	TRẦN NGỌC	SƠN	31/08/2002	Lào Cai	Kinh	Nam	L3	6.68	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
171	202004151	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	17/09/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L3	7.01	2.5	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
172	202004155	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	14/08/2002	Sơn La	Kinh	Nữ	L3	7.48	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
173	202004162	LÊ HỒNG	THỨC	21/09/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	L3	7.30	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
174	202004164	CAO THANH	THỦY	05/12/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	L3	7.47	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
175	202004171	HOÀNG THỊ THU	TRANG	28/02/2002	Bắc Giang	Kinh	Nữ	L3	7.11	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
176	202004175	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	09/11/2002	Thanh Hóa	Kinh	Nam	L3	6.65	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,5,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
177	202004182	HOÀNG THỊ	VÂN	14/06/2002	Nghệ An	Kinh	Nữ	L3	7.25	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
178	202004184	HOÀNG QUỐC	VŨ	05/05/2002	Hải Dương	Kinh	Nam	L3	8.36	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 3,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
179	202004185	PHAN ANH	VŨ	31/08/2001	Hà Nội	Kinh	Nam	L3	7.47	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
180	202005004	HOÀNG VIỆT	ANH	14/06/2000	Lạng Sơn	Tây	Nam	NN1	6.91	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
181	202005006	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	14/06/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	NN1	6.74	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
182	202005007	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	30/09/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	NN1	7.76	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
183	202005012	LÊ QUANG	ÁNH	20/03/2002	Ninh Bình	Kinh	Nam	NN1	6.80	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
184	202005015	QUAN NGỌC	CHIẾN	17/08/2002	Tuyên Quang	Tây	Nam	NN1	6.54	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
185	202005022	TRIỆU BÍCH	DIỆU	19/12/2001	Cao Bằng	Tây	Nữ	NN1	6.74	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
186	202005027	NGUYỄN VIỆT	HÀ	09/08/2002	Nghệ An	Kinh	Nữ	NN1	7.73	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
187	202005028	NGUYỄN THỊ NGÂN	HẠNH	02/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	NN1	7.14	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
188	202005030	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	24/04/2001	Thanh Hóa	Kinh	Nữ	NN1	8.20	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
189	202005031	LÊ VĂN HIẾU	26/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	NN1	7.21	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
190	202005033	NGUYỄN MINH HIẾU	11/03/2002	Hà Giang	Tày	Nam	NN1	7.42	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
191	202005035	HÀ DUY HOÀNG	10/10/2001	Thanh Hóa	Thái	Nam	NN1	7.22	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
192	202005037	NGUYỄN SỨ HỌC	15/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Nam	NN1	7.56	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
193	202005043	NGUYỄN VIỆT TRUNG KIÊN	20/12/1999	Quảng Bình	Kinh	Nam	NN1	7.25	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
194	202005044	NGUYỄN THỊ YẾN LÂM	11/07/2002	Đắk Lắk	Kinh	Nữ	NN1	7.53	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
195	202005046	HÀ THỊ HUYỀN LINH	13/07/2002	Quảng Bình	Kinh	Nữ	NN1	7.38	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
196	202005048	TRƯƠNG QUANG LỢI	20/03/2002	Nghệ An	Kinh	Nam	NN1	7.26	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
197	202005054	NGUYỄN THỊ MAI LÝ	21/10/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Nữ	NN1	7.90	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 2,5,7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
198	202005058	TRẦN ĐỨC MINH	08/01/1997	Bắc Ninh	Kinh	Nam	NN1	7.37	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
199	202005060	DƯƠNG THỊ NGA	17/02/2002	Hà Giang	Kinh	Nữ	NN1	8.17	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
200	202005064	AN THỊ HỒNG NHUNG	15/06/2002	Ninh Bình	Kinh	Nữ	NN1	6.67	2.3	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
201	202005066	LÙ THỊ OANH	22/08/2002	Lai Châu	Thái	Nữ	NN1	7.16	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
202	202005067	TÀN A PÁO	01/04/2002	Lào Cai	Dao	Nam	NN1	6.84	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
203	202005071	LÒ THỊ QUỲNH	10/02/2002	Lai Châu	Thái	Nữ	NN1	7.19	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
204	202005074	HÀ THỊ THANH THẢO	09/03/2002	Sơn La	Lào	Nữ	NN1	7.18	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
205	202005077	VÀNG A THỆNH	01/04/1999	Điện Biên	Kinh	Nam	NN1	7.33	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
206	202005078	LÒ VĂN THÍCH	21/12/2002	Điện Biên	Thái	Nam	NN1	8.34	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
207	202005079	PHẠM ANH THƠ	05/04/2002	Cao Bằng	Kinh	Nữ	NN1	8.13	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
208	202005082	NGUYỄN BẢO TRÂM	28/12/2002	Hải Phòng	Kinh	Nữ	NN1	8.17	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
209	202005085	VŨ QUANG TRUÔNG	15/05/2002	Lào Cai	Kinh	Nam	NN1	6.84	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
210	202005087	TRIỆU THỊ TÓ	13/03/2002	Thái Nguyên	Tày	Nữ	NN1	7.42	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
211	202005002	ĐỖ PHƯƠNG ANH	22/10/2001	Lào Cai	Kinh	Nữ	NN2	8.05	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
212	202005003	HÀ ĐỨC ANH	19/09/2001	Sơn La	Thái	Nam	NN2	7.14	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 2,3,4,5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
213	202005008	NGUYỄN THỊ MAI ANH	13/09/2001	Hà Nội	Kinh	Nữ	NN2	7.31	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4,5,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
214	202005009	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	23/10/2002	Tuyên Quang	Kinh	Nữ	NN2	7.44	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,4,5,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
215	202005010	PHẠM THỊ LAN ANH	14/03/2001	Nghệ Tĩnh	Kinh	Nữ	NN2	8.38	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4,5,8 và 1300 kì 6	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
216	202005014	NGUYỄN THỊ CHI	25/08/2002	Hà Giang	Tày	Nữ	NN2	7.38	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
217	202005016	TRẦN CÔNG CHIẾN	25/08/2002	Quảng Ninh	Kinh	Nam	NN2	7.29	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 4,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
218	202005023	LÒ THỊ DUNG	18/07/2002	Lai Châu	Thái	Nữ	NN2	8.15	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
219	202005032	LỘC TRUNG HIẾU	09/07/2001	Lạng Sơn	Sán Diu	Nam	NN2	7.23	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
220	202005038	LÒ XỈ HỮ	03/02/2002	Lai Châu	Hà Nhì	Nam	NN2	7.15	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
221	202005049	CÀ VĂN LONG	01/01/2002	Sơn La	Thái	Nam	NN2	7.59	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
222	202005052	TRIỆU ĐỨC LONG	05/10/2002	Bắc Kan	Nùng	Nam	NN2	7.36	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
223	202005061	ĐOÀN KHÁNH NGỌC	24/04/2002	Hải Phòng	Kinh	Nữ	NN2	7.52	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
224	202005068	HUỶNH BÙI TẤN PHÁT	29/05/2002	Bình Thuận	Kinh	Nam	NN2	6.80	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
225	202005073	SÙNG TIẾN THÀNH	09/10/2002	Yên Bái	Hmông	Nam	NN2	7.34	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
226	202005075	LAI HẠNH THẢO	14/03/2000	Hà Nội	Kinh		NN2	7.19	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
227	202005088	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	14/02/2002	Nam Định	Kinh	Nữ	NN2	7.25	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
228	202007001	BÙI PHƯƠNG ANH	22/02/2002	Bắc Giang	Kinh	Nữ	TLH	8.75	3.5	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
229	202007003	NGUYỄN THANH HÀ	04/01/2001	Hà Nội	Kinh	Nữ	TLH	8.28	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 5,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
230	202007004	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	13/01/2001	Hà Giang	Kinh	Nữ	TLH	8.64	3.4	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
231	202007005	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	10/12/2002	Bắc Ninh	Kinh	Nữ	TLH	7.80	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
232	202007006	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	17/02/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	Kinh	Nữ	TLH	8.09	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
233	202007007	BACH MAI NGOC	22/11/2002	Hòa Bình	Mường	Nữ	TLH	8.51	3.4	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
234	202007009	NGUYỄN THẾ QUỲNH	18/03/2002	Lào Cai	Kinh	Nam	TLH	7.80	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
235	202007013	NGÔ GRIN KIM TRÚC	11/09/2002	Kom Tum	Kinh	Nữ	TLH	7.49	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
236	202002006	VY THỊ ANH	19/10/2001	Lạng Sơn	Nùng	Nữ	TN	7.36	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 3,5,6,7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
237	202002007	CAO YẾN CHI	10/12/2002	Bắc Kạn	Tày	Nữ	TN	7.42	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
238	202002008	NÔNG THỊ KIM CHI	04/11/2002	Cao Bằng	Tày	Nữ	TN	7.82	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
239	202002010	ĐẶNG HOÀNG DIỆU	16/10/2002	Thái Bình	Kinh	Nữ	TN	7.97	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
240	202002011	NGUYỄN MINH ĐỨC	10/11/2002	Nam Định	Kinh	Nam	TN	7.44	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
241	202002012	HOÀNG ANH DŨNG	22/05/2002	Nam Định	Kinh	Nam	TN	7.35	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 2,3	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
242	202002013	TRẦN VĂN DŨNG	01/12/2001	Cao Bằng	Nùng	Nam	TN	6.94	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
243	202002015	ÂU MINH DUY	09/07/2002	An Giang	Kinh	Nam	TN	8.00	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ kì 7,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
244	202002016	HỒ THỊ DUYỀN	02/09/2002	Quảng Trị	Ơu-Vân Kiều	Nữ	TN	7.40	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
245	202002020	NGUYỄN THỊ HỒNG	19/02/2001	Hòa Bình	Kinh	Nữ	TN	8.10	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ		
246	202002022	TRẦN VĂN HÙNG	28/03/2002	Thái Bình	Kinh	Nam	TN	7.45	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
247	202002029	BÙI VĂN LỘC	04/02/2001	Hòa Bình	Mường	Nam	TN	6.84	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
248	202002031	TÔNG THỊ HẰNG	07/05/2002	Điện Biên	Thái	Nữ	TN	7.81	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
249	202002032	LÒ VĂN NGHIỆP	09/12/2002	Son La	Thái	Nam	TN	7.36	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
250	202002037	NGUYỄN THỊ QUẾ	20/01/2002	Vĩnh Phúc	Kinh	Nữ	TN	7.54	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
251	202002038	CHU VĂN SÁNG	03/01/2002	Bắc Giang	Sán Chay	Nam	TN	8.25	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
252	202002042	LÒ THỊ THƯƠNG	17/02/2002	Điện Biên	Thái	Nữ	TN	7.12	2.6	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
253	202002043	LỤC THỊ THÙY	08/02/2002	Thanh Hóa	Thái	Nữ	TN	7.25	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
254	202002045	LÊ BẢO TRÂM	13/03/1999	Hà Nội	Kinh	Nữ	TN	8.36	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
255	202002047	PHAN THỊ THÙY	20/01/2001	Bắc Kan	Nùng	Nữ	TN	7.58	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
256	202002053	ĐINH KHÁNH VI	30/03/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	TN	7.54	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
257	202003003	NGUYỄN THỊ NGỌC	16/09/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	XH	7.99	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
258	202003004	PHẠM PHƯƠNG ANH	04/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	XH	7.29	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
259	202003005	TRẦN BÈ QUỲNH	16/12/2002	Đắk Lắk	Tày	Nữ	XH	7.63	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
260	202003006	ĐỖ NGỌC ÁNH	06/04/2002	Hòa Bình	Kinh	Nữ	XH	6.97	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
261	202003009	NGUYỄN HÀ DUNG	13/05/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	XH	6.85	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
262	202003014	VŨ THỊ THU HÀ	17/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	XH	7.58	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
263	202003016	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	26/03/2002	Thái Bình	Kinh	Nữ	XH	8.02	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
264	202003017	NGUYỄN KIM HẰNG	09/08/2002	Hà Giang	Tày	Nữ	XH	8.10	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 2,3	Học phí cập nhật tới ngày 31/05

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	GIỚI TÍNH	LỚP	ĐIỂM		Xếp loại	Điều kiện			CHỨNG CHỈ				Nợ học phí	Nợ môn	
								Thang 10	Thang 4		TA1	TA2	Tin học	QPAN	GDTC	TIN HỌC	NGOẠI NGỮ			
265	202003029	BÙI THỊ PHƯƠNG	LINH	13/09/2002	Hòa Bình	Mường	Nữ	XH	7.73	3.0	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
266	202003031	LƯƠNG MỸ	LINH	12/01/2001	Yên Bái	Thái	Nữ	XH	7.65	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 2,3,7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
267	202003034	NÔNG THỊ QUỲNH	LINH	04/05/2002	Lạng Sơn	Tày	Nữ	XH	7.58	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
268	202003036	CHÁU THỊ	MÚA	04/10/2002	Lào Cai	Kinh	Nữ	XH	7.68	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
269	202003038	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	18/05/2002	Hòa Bình	Kinh	Nữ	XH	7.40	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
270	202003039	HÀ THỊ TỎ	NHƯ	04/03/2002	Hòa Bình	Thái	Nữ	XH	7.28	2.7	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
271	202003040	PHẠM YẾN	NHƯ	22/05/2002	Quảng Nam	Kinh	Nữ	XH	8.35	3.3	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
272	202003043	ĐỖ THẢO	PHƯƠNG	29/04/2002	Hà Tây	Kinh	Nữ	XH	7.94	3.1	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
273	202003051	NGÔ NGỌC	THÀNH	30/09/2002	Hà Nội	Kinh	Nam	XH	7.32	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
274	202003055	QUẢNG THỊ	THOM	28/09/2002	Điện Biên	Kháng	Nữ	XH	7.48	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 5,8	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
275	202003057	NGUYỄN THỊ HỒNG	TIẾN	08/08/2002	Hòa Bình	Mường	Nữ	XH	8.17	3.2	Giỏi	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		
276	202003058	TRẦN VĂN	TRỌNG	06/03/1997	Hải Phòng	Kinh	Nam	XH	7.39	2.8	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 4	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
277	202003060	VƯƠNG THỊ THANH	TÙNG	29/11/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	XH	6.98	2.4	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt	nợ ki 7	Học phí cập nhật tới ngày 31/05
278	202003061	LÊ THỊ TỎ	UYÊN	25/10/2002	Hà Nội	Kinh	Nữ	XH	7.65	2.9	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	X	X	X	Đạt		